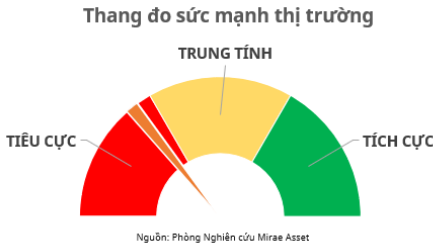


28 Tháng Hai 2022



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,490.13	-0.58	0.76	27.53
HNX	440.42	0.06	5.69	76.72
UPCOM	112.20	-0.41	2.29	46.40
MSCI EM	1,171.99	1.48	-3.00	-12.49
NIKKEI	26,526.82	0.19	-1.76	-8.42
HANG SENG	22,713.02	-0.24	-4.58	-21.63
KOSPI	2,699.18	0.84	1.35	-10.41
FTSE	7,388.07	-1.35	-1.02	13.95
S&P 500	4,384.65	2.24	-2.90	15.05
NASDAQ	13,694.62	1.64	-3.83	3.81

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.92	2.62	15.61
SET INDEX	13.29	1.77	8.24
JCI INDEX	23.26	2.27	8.61
PCOMP INDEX	23.38	1.85	8.04

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	1.44	21	55	35
10 năm	2.24	3	15	-12

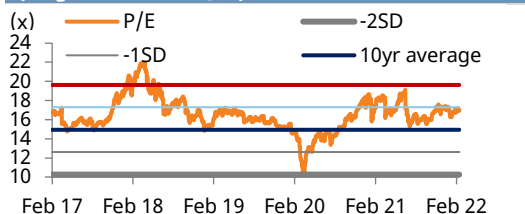
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,820	0.04	-0.69	0.87
US\$/KRW	1,203	-0.06	0.28	-6.58
US\$/JPY	116	-0.05	-0.43	-7.66
US\$/EUR	0.90	0.97	0.62	7.93
US\$/GBP	0.75	0.46	0.70	4.29
US\$/SGD	1.36	-0.41	-0.56	-2.28

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,071	946	934
HNX	135	102	132
UPCOM	82	67	71

### Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Tâm lý lo ngại vẫn hiện hữu

Sau phiên phục hồi thứ 6 tuần trước, VN-Index mở phiên giao dịch đầu tuần trong tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư. Gần như xuyên suốt thời gian trong ngày, VN-Index chỉ giao dịch trong vùng giá đi ngang. 2 nhóm vốn hóa lớn nhất là Ngân hàng và Bất động sản chìm trong sắc đỏ, ảnh hưởng chung lên tâm lý toàn thị trường. Như vậy, đây là phiên thứ 3 liên tục VN-Index đóng cửa thấp hơn giá mở cửa, thể hiện tâm lý nhà đầu tư vẫn khá lo ngại trước những căng thẳng chính trị tại Châu Âu và rủi ro vĩ mô. Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-index đóng cửa tại 1.490 điểm, giảm 8,8 điểm, tương ứng 0,6%, so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản tiếp tục được duy trì ổn định với giá trị 3 sàn lần lượt là HOSE: 23.580 tỷ đồng, HNX: 2.866 tỷ đồng, UPCOM: 1.612 tỷ đồng.

Tuy là phiên giảm điểm, nhưng phiên giao dịch hôm nay ghi nhận sự thăng hoa của 2 nhóm Phân bón và Thép khi DCM, DPM, SFG và HSG, NKG, SMC đều tăng kịch trần biên độ. Trong khi nhóm Bất động sản và Ngân hàng đa số chìm trong sắc đỏ thì nhóm Xây dựng và Bán lẻ lại phân hóa với các mã tăng/giảm khá mạnh khác nhau.

Khối ngoại hôm nay lại quay chiều bán ròng với giá trị gần 800 tỷ đồng. HPG, CTG và VIC bị bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt là 353 tỷ, 121 tỷ và 105 tỷ đồng.

Phiên giảm điểm khiến điểm số kỹ thuật của VN-Index suy giảm. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae đã quay về mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,9x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-1	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN FIN SELECT	-3	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/02/2022)	Kháng cự 1	<b>1.520</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.480</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.430</b>

Chạm mốc tâm lý 1.500 điểm và quay đầu, VN-Index đang có xu hướng quay về vùng hỗ trợ 1.480 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (28/02/2022)	1.511	Kháng cự 1	<b>1.550</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
VN30 - đóng cửa	1.517	Hỗ trợ 1	<b>1.520</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-6</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>-6</b>	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M gần như chỉ giao dịch trong vùng giá đỡ trong ngày và đóng cửa giảm điểm, thêm vào đó spread trong ngày ở mức rất thấp, chỉ hơn 10 điểm. Vì thế các điểm số kỹ thuật đều chuyển sang tiêu cực.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FRT	Bán lẻ	122,300	1,320,615	<b>82</b>	4	
PET	Bán lẻ	56,100	993,195	<b>95</b>	5	
VND	Chứng khoán	78,800	4,674,995	<b>88</b>	5	
PVS	Dầu khí	34,900	10,920,355	<b>86</b>	5	<b>Top sức mạnh ngành</b>
GIL	Dệt may	84,000	493,700	<b>90</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
TNG	Dệt may	35,000	2,085,330	<b>92</b>	5	<b>Top sức mạnh ngành</b>
PC1	Điện	38,800	1,193,685	<b>80</b>	7	
REE	Điện	75,600	582,420	<b>88</b>	7	
DGC	Hóa chất	163,100	913,405	<b>99</b>	5	<b>Top sức mạnh ngành</b>
CSV	Hóa chất	53,500	666,715	<b>100</b>	5	<b>Top sức mạnh ngành</b>
VPB	Ngân hàng	38,000	17,539,070	<b>98</b>	6	
DPM	Phân bón	57,600	5,492,865	<b>84</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
HAX	Phân phối ô tô	38,000	1,011,120	<b>96</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
FMC	Thủy sản	61,000	223,470	<b>94</b>	5	
PVT	Vận tải Thủy	24,900	3,137,010	<b>95</b>	4	<b>Top sức mạnh ngành</b>

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DPM	57.6	5,492,865	7	<b>KHẢ QUAN</b>	22,541	7.3	2.1	316
NKG	44.15	7,158,820	7	<b>KHẢ QUAN</b>	9,686	4.1	1.7	316
HSG	38.35	7,658,130	7	<b>KHẢ QUAN</b>	18,925	4.5	1.7	294
SHS	44.1	4,311,050	7	<b>KHẢ QUAN</b>	14,344	9.5	2.4	190
DCM	37	4,817,965	7	<b>KHẢ QUAN</b>	19,588	11.2	2.6	178
HAH	82.5	1,367,610	7	<b>KHẢ QUAN</b>	4,025	9.4	2.6	113
KSB	45.65	1,713,475	7	<b>KHẢ QUAN</b>	3,483	15.4	1.9	78
VGX	26.9	2,575,380	7	<b>KHẢ QUAN</b>	13,450	47.2	2.2	69
TSC	19.75	3,488,880	7	<b>KHẢ QUAN</b>	2,916	25.4	1.7	69
DGW	122.9	518,570	7	<b>KHẢ QUAN</b>	10,864	16.4	6.1	64
FIT	14.4	3,868,185	7	<b>KHẢ QUAN</b>	3,783	23.2	1.1	56
VPB	38	17,539,070	6	<b>KHẢ QUAN</b>	168,928	14.2	2.2	666
GEX	41.1	14,244,600	6	<b>KHẢ QUAN</b>	34,996	28.8	2.9	585
SSI	45.7	8,386,795	6	<b>KHẢ QUAN</b>	45,369	16.5	3.2	383
PVD	34.9	8,724,280	6	<b>KHẢ QUAN</b>	14,697	938.8	1.1	304
VIX	22.9	4,051,135	6	<b>KHẢ QUAN</b>	12,576	9.1	2.2	93
HPG	47.2	18,812,624	5	<b>KHẢ QUAN</b>	211,122	6.1	2.3	888
PVS	34.9	10,920,355	5	<b>KHẢ QUAN</b>	16,681	27.7	1.4	381
VND	78.8	4,674,995	5	<b>KHẢ QUAN</b>	34,273	12.6	3.5	368
DGC	163.1	913,405	5	<b>KHẢ QUAN</b>	27,903	12.4	4.6	149
VPI	65	1,557,250	5	<b>KHẢ QUAN</b>	14,300	40.2	4.4	101
HUT	31.2	2,509,560	5	<b>KHẢ QUAN</b>	10,877	199.1	2.8	78

TTF	15.15	5,100,295	5	KHẢ QUAN	5,962	537.3	10.8	77
TNG	35	2,085,330	5	KHẢ QUAN	3,244	12.6	2.2	73
PAN	32.95	2,056,865	5	KHẢ QUAN	6,883	23.3	1.7	68
PET	56.1	993,195	5	KHẢ QUAN	5,040	26.7	2.8	56
BVH	59.1	890,780	5	KHẢ QUAN	43,871	23.6	2.1	53
DXG	42.3	9,850,025	4	KHẢ QUAN	25,212	21.8	2.9	417
CII	32.2	12,076,485	4	KHẢ QUAN	7,809	#N/A N/A	1.6	389
LDG	20	10,250,745	4	KHẢ QUAN	4,789	35.8	1.5	205
PLX	62.3	2,946,405	4	KHẢ QUAN	79,158	26.7	3.2	184
FRT	122.3	1,320,615	4	KHẢ QUAN	9,659	21.8	5.8	162
SCR	21.3	7,540,505	4	KHẢ QUAN	7,803	41.7	1.6	161
VCI	62.4	2,406,575	4	KHẢ QUAN	20,779	13.8	3.2	150
ROS	8.2	17,511,916	4	KHẢ QUAN	4,654	49.0	0.8	144
FCN	24.8	4,591,685	4	KHẢ QUAN	3,904	29.5	1.4	114
PVT	24.9	3,137,010	4	KHẢ QUAN	8,059	12.1	1.6	78
HDG	70.4	1,077,095	4	KHẢ QUAN	14,350	12.4	3.2	76
OIL	20.1	3,307,310	4	KHẢ QUAN	20,788	#N/A N/A	2.2	66
CTD	96.8	627,635	4	KHẢ QUAN	7,150	311.8	0.9	61
DPG	64.9	869,840	4	KHẢ QUAN	4,089	11.4	3.0	56
HDC	87.9	587,085	4	KHẢ QUAN	7,601	23.9	5.2	52
DIG	86	6,288,210	2	TRUNG TÍNH	42,991	42.6	5.8	541
CEO	65.7	6,623,940	2	TRUNG TÍNH	16,907	181.5	5.6	435
BSR	28	14,213,885	2	TRUNG TÍNH	86,814	#N/A N/A	2.8	398
TPB	42.25	7,471,285	2	TRUNG TÍNH	66,829	12.8	2.6	316
FLC	12.5	24,553,870	2	TRUNG TÍNH	8,875	109.1	1.0	307
HBC	27.15	7,348,785	2	TRUNG TÍNH	6,670	66.9	1.8	200
NLG	54.2	3,367,745	2	TRUNG TÍNH	20,755	17.7	2.3	183
MWG	136	1,139,450	2	TRUNG TÍNH	96,945	19.6	4.8	155
IDC	71.4	1,758,070	2	TRUNG TÍNH	21,420	47.3	5.5	126
HCM	37.65	3,096,895	2	TRUNG TÍNH	17,214	13.4	2.3	117
DBC	76.8	1,350,270	2	TRUNG TÍNH	8,850	10.7	1.9	104
NBB	32.2	2,917,890	2	TRUNG TÍNH	3,225	10.0	1.7	94
FPT	93.3	972,455	2	TRUNG TÍNH	84,675	21.4	4.7	91
SBT	22.6	3,298,650	2	TRUNG TÍNH	14,219	20.6	1.7	75
VHC	76.5	971,660	2	TRUNG TÍNH	13,919	12.6	2.4	74
VHG	9.1	6,100,985	2	TRUNG TÍNH	1,365	#N/A N/A	7.2	56
MBB	34.4	19,790,910	0	TRUNG TÍNH	129,974	10.2	2.2	681
KBC	57.4	8,744,030	0	TRUNG TÍNH	32,704	36.0	2.4	502
TCH	21.35	6,930,540	0	TRUNG TÍNH	14,266	20.3	1.6	148
MSN	156	843,480	0	TRUNG TÍNH	184,163	21.5	5.6	132
VJC	140.1	907,770	0	TRUNG TÍNH	75,880	61.7	4.5	127
SZC	80.6	1,321,375	0	TRUNG TÍNH	8,060	26.7	5.5	107
BCG	23.9	4,445,000	0	TRUNG TÍNH	10,667	9.7	3.0	106
HNG	8.91	10,207,355	0	TRUNG TÍNH	9,877	#N/A N/A	1.5	91
LCG	19.2	4,340,535	0	TRUNG TÍNH	3,310	15.3	1.4	83
AAA	17.65	4,273,640	0	TRUNG TÍNH	5,762	17.6	1.2	75
HQC	7.2	9,529,160	0	TRUNG TÍNH	3,432	823.8	0.8	69
KDH	52.9	1,151,965	0	TRUNG TÍNH	34,011	28.9	3.3	61

IJC	28.65	1,882,625	0	TRUNG TÍNH	6,220	10.5	1.9	54
VCG	43.2	4,955,770	-2	TRUNG TÍNH	19,082	37.4	2.9	214
ITA	15.95	10,113,075	-2	TRUNG TÍNH	14,966	51.3	1.4	161
GAS	118	1,119,515	-2	TRUNG TÍNH	225,846	26.9	4.4	132
VIB	46.9	2,274,965	-2	TRUNG TÍNH	72,842	11.5	3.0	107
GMD	49.7	2,134,655	-2	TRUNG TÍNH	14,978	26.9	2.4	106
PVX	7.6	10,758,540	-2	TRUNG TÍNH	3,040	#N/A N/A	14.5	82
KDC	54	2,135,765	-3	TRUNG TÍNH	13,588	23.1	2.0	115
VGC	52.5	1,084,770	-3	TRUNG TÍNH	23,538	19.2	3.3	57
HAG	10.25	19,534,300	-4	TIÊU CỰC	9,506	51.6	2.1	200
HDB	28.8	6,140,730	-4	TIÊU CỰC	57,952	9.5	2.0	177
POW	17.35	19,340,776	-5	TIÊU CỰC	40,631	22.9	1.4	336
NVL	75.5	2,570,105	-5	TIÊU CỰC	145,361	39.4	4.1	194
HVN	25.35	5,560,500	-5	TIÊU CỰC	56,135	#N/A N/A	23.5	141
PNJ	103	1,133,570	-5	TIÊU CỰC	23,419	22.7	3.9	117
HHV	23.15	4,779,185	-5	TIÊU CỰC	6,190	#N/A N/A	1.0	111
PHR	80.3	662,695	-5	TIÊU CỰC	10,881	20.1	3.6	53
STB	32.85	24,438,296	-6	TIÊU CỰC	61,929	17.6	1.8	803
ACB	33.9	8,453,900	-6	TIÊU CỰC	91,596	9.5	2.0	287
VRE	33.5	7,300,945	-6	TIÊU CỰC	76,123	57.9	2.5	245
TCB	50.4	10,634,240	-7	TIÊU CỰC	176,950	9.8	1.9	536
CTG	33.15	11,578,915	-7	TIÊU CỰC	159,311	11.3	1.7	384
LPB	22.65	15,668,465	-7	TIÊU CỰC	27,261	9.3	1.6	355
VIC	77	4,548,055	-7	TIÊU CỰC	293,673	#N/A N/A	3.0	350
VHM	77.5	3,968,585	-7	TIÊU CỰC	337,463	8.6	2.6	308
PDR	85	3,134,935	-7	TIÊU CỰC	41,886	22.6	5.9	266
SHB	21.65	11,534,245	-7	TIÊU CỰC	57,738	10.9	1.6	250
VNM	78.4	2,122,505	-7	TIÊU CỰC	163,853	17.4	5.0	166
VCB	84.5	1,723,605	-7	TIÊU CỰC	399,898	16.9	3.6	146
BID	43.7	3,192,095	-7	TIÊU CỰC	221,057	20.9	2.7	139

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Phương Tây loại Nga khỏi SWIFT

Những ngân hàng Nga chịu ảnh hưởng từ biện pháp mới là các đơn vị "đã bị cộng đồng quốc tế cũng như các tổ chức khác trừng phạt", một phát ngôn viên chính phủ Đức ngày 26/2 cho biết. "Điều này nhằm cắt đứt các tổ chức nói trên khỏi dòng tài chính quốc tế và sẽ hạn chế hàng loạt hoạt động toàn cầu của họ". Quyết định loại một số ngân hàng Nga khỏi Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT) nằm trong số loạt biện pháp trừng phạt tài chính bổ sung được công bố trong tuyên bố chung giữa Mỹ, Ủy ban châu Âu, Pháp, Đức, Italy, Anh và Canada. Trong tuyên bố chung, Nhà Trắng nói rằng nhóm các cường quốc thế giới "quyết tâm tiếp tục buộc Nga phải trả giá và bị cô lập hơn nữa với hệ thống tài chính toàn cầu cũng như các nền kinh tế của chúng tôi". Nga chưa bình luận về thông tin trên. Quyết định được đưa ra trong bối cảnh Nga triển khai chiến dịch quân sự đặc biệt nhằm "phi quân sự hóa và phi phát xít hóa Ukraine". SWIFT được thành lập năm 1973 nhằm thay thế điện tín và hiện được hơn 11.000 tổ chức tài chính trên thế giới sử dụng để gửi tin nhắn và lệnh thanh toán bảo mật. Không có giải pháp thanh toán nào khác được chấp nhận trên toàn cầu, nên SWIFT được coi là hệ thống trọng yếu của nền tài chính thế giới. Loại các ngân hàng Nga khỏi SWIFT được coi là lựa chọn trừng phạt rất mạnh, khiến các tổ chức này về cơ bản không thể tiếp cận với hệ thống tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, biện pháp này có thể dẫn đến hệ quả tổn kém cho các quốc gia khác, nhất là những nước chịu phụ thuộc vào Nga về năng lượng hay lương thực.

### Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 tăng 1%

Theo báo cáo kinh tế xã hội vừa được Tổng cục Thống kê công bố, giá xăng dầu tăng theo nhiên liệu thế giới; giá lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông công cộng tăng trong dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng 1% so với tháng trước; tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm nay, CPI tăng 1,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng 1% của CPI tháng 2 so với tháng trước có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng trong đó có nhóm giao thông, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, vật liệu xây dựng và nhà ở. Nhóm bưu chính viễn thông là hàng hóa có chỉ số giảm duy nhất trong tháng này.

### REE: dự kiến góp gần 870 tỷ đồng thành lập công ty điện gió tại Trà Vinh

HDQT Cơ điện lạnh (REE, HoSE: REE) vừa thông qua chủ trương góp 100% vốn, tương đương 868 tỷ đồng, để thành lập Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh. Công ty có chức năng chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trụ sở của công ty được đặt tại tỉnh Trà Vinh. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I và quý II. REE sử dụng toàn bộ tài sản thuộc nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3 thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo giá trị sổ sách tại thời điểm chuyển giao chính thức thuộc sở hữu của REE để góp vốn và chuyển giao cho Điện gió REE Trà Vinh. Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản dự án nhà máy điện gió V1-3 dự kiến là 2.136,6 tỷ với nợ vay gần 1.268 tỷ tương ứng với tài sản ròng gần 869 tỷ đồng.

### IBC: muốn chào bán cổ phiếu tỷ lệ 1:1 để trả nợ và đầu tư bất động sản

Theo tài liệu đại hội cổ đông năm 2022, Đầu tư Apax Holdings (HoSE: IBC) đặt kế hoạch doanh thu 2.100 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 80 tỷ đồng, lần lượt tăng 21% và giảm 16% so với thực hiện năm ngoái. Năm 2021, doanh thu hợp nhất giảm 11% về 1.734 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 28% đạt 95,7 tỷ đồng. Với kết quả này, doanh nghiệp hoàn thành 59,8% mục tiêu doanh thu và 136,7% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Theo giải trình, công ty phải đóng cửa các trung tâm tiếng anh và trường mẫu giáo từ Tết Nguyên Đán đến 30/4/2021 và sau đó tháng 5-12 đóng cửa hầu hết các trung tâm tiếng anh tại các tỉnh, thành phố bùng phát dịch Covid-19, dẫn đến doanh thu bị suy giảm đáng kể. Tuy nhiên lợi nhuận

vượt kế hoạch nhờ thực hiện bán quyền mua cổ phần phát hành thêm của Anh ngữ Apax và Phát triển giáo dục Igarten.

### **SGT: Saigontel, VinaCapital và Aurous hợp tác làm tổ hợp công nghiệp đô thị, vốn dự kiến 2,5 tỷ USD**

Theo thông tin từ Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Saigontel, HoSE: SGT), tại sự kiện Đối thoại doanh nghiệp Việt Nam - Singapore, doanh nghiệp cùng Vinacapital và Công ty Aurous (Singapore) đã ký và trao đổi “Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư Dự án tổ hợp công nghiệp 500 ha và 200 ha đô thị nhà ở công nhân chuyên gia, nhà ở xã hội tại tỉnh Bắc Giang”. Tổng giá trị đầu tư dự án dự kiến lên đến 2,5 tỷ USD. Cụ thể, cả 3 đơn vị sẽ nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư và xin phép đầu tư để phát triển các khu công nghiệp thu hút các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp với hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng trong nước cao hơn, trung tâm logistics, cùng các dịch vụ phụ trợ. Đây là dự án - thỏa thuận hợp tác có giá trị lớn nhất trong các dự án được trao đổi, ký tại cuộc Đối thoại doanh nghiệp Việt Nam-Singapore lần này.

### **CDC: góp vốn đầu tư dự án khu dân cư ở Quảng Nam**

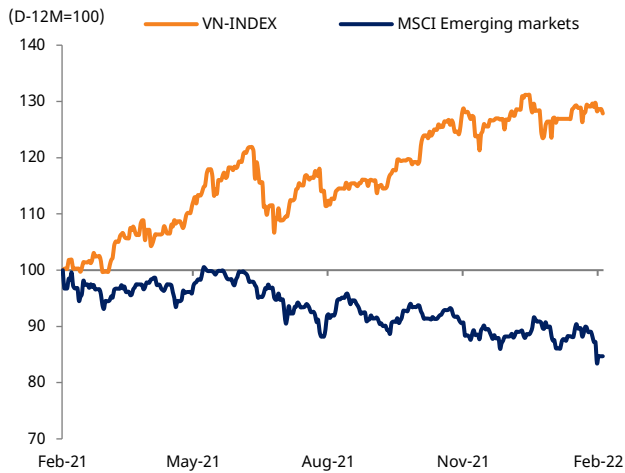
Công ty cổ phần Chương Dương (Chương Dương Corp, HoSE: CDC) công bố quyết định HĐQT thông qua việc liên doanh với Công ty TNHH Phú Hương để đầu tư dự án khu dân cư Đồng Cầu Hướng An, thị trấn Hướng An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Theo đó, Phú Hương sẽ góp 59% và là đơn vị đứng đầu liên doanh, đại diện liên doanh thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư. Dự án có diện tích 22,4 ha, tổng đầu tư dự kiến 466,5 tỷ đồng. Doanh thu dự kiến (không bao gồm VAT) đạt 533 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 53 tỷ đồng, tỷ lệ hoàn vốn nội độ IRR 20,1%. Thời gian thực hiện từ quý I/2022 đến quý I/2026.

### **IPA: dự kiến phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 2**

HĐQT Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA) vừa thông qua phương án phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ. Đây là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và không phải là khoản nợ thứ cấp của doanh nghiệp. Lãi suất cố định 9,5%/năm, trả định kỳ 12 tháng/lần. Kỳ hạn trái phiếu 3 năm, thời gian phát hành dự kiến vào tháng 2. Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn nhằm thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Trong năm qua, IPA phát hành 3 đợt trái phiếu với tổng giá trị 2.300 tỷ đồng. Trái phiếu phát hành đều là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo. Cả 3 lô đều đáo hạn năm 2024, lãi suất 9,5-10,5%/năm. Bên đứng ra sắp xếp là Chứng khoán VNDirect – tổ chức có liên quan đến IPA. Mục đích phát hành nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện hữu, đầu tư các dự án như khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, Riverine Cần Thơ và Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm ong (Hà Nội). Ngoài huy động vốn từ kênh trái phiếu, công ty dự kiến tăng vốn thông qua chào bán hơn 178 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100%. Giá chào bán 10.000 đồng/cp, số vốn huy động dự kiến đạt gần 1.782 tỷ đồng. Doanh nghiệp dự kiến dùng 1.371 tỷ đồng đầu tư góp vốn, mua cổ phần. Số tiền 410,5 tỷ đồng còn lại huy động từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu được dùng để thanh toán nợ gốc/lãi trái phiếu cùng các khoản nợ hiện hành khác.

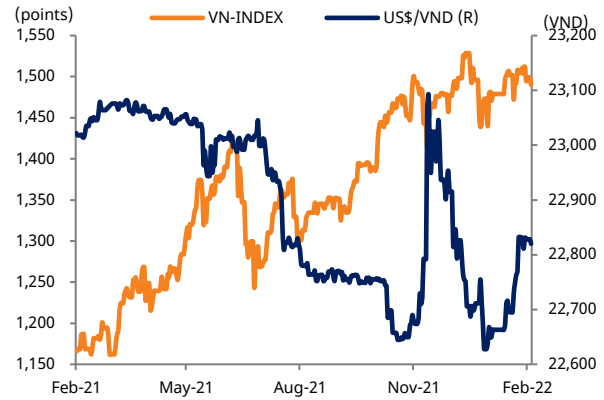


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



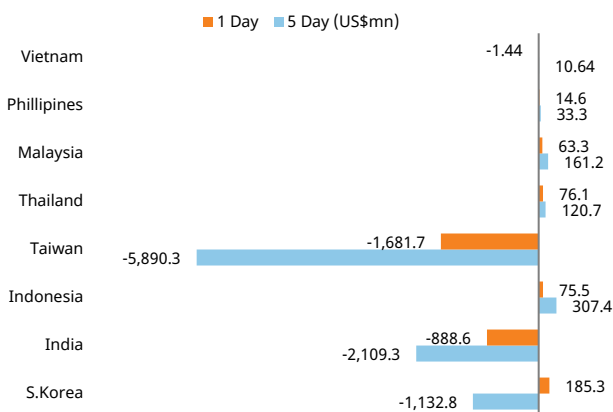
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



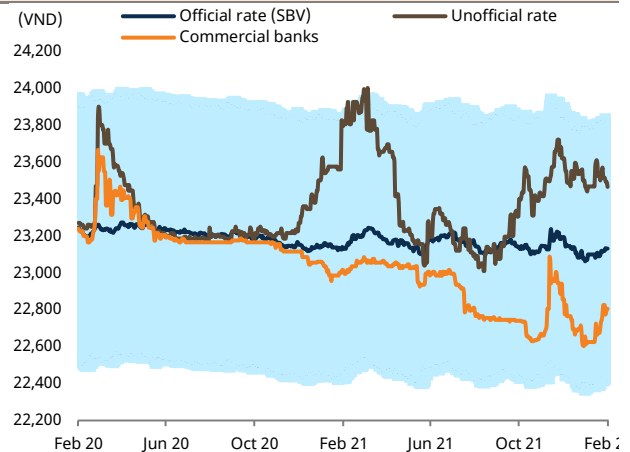
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



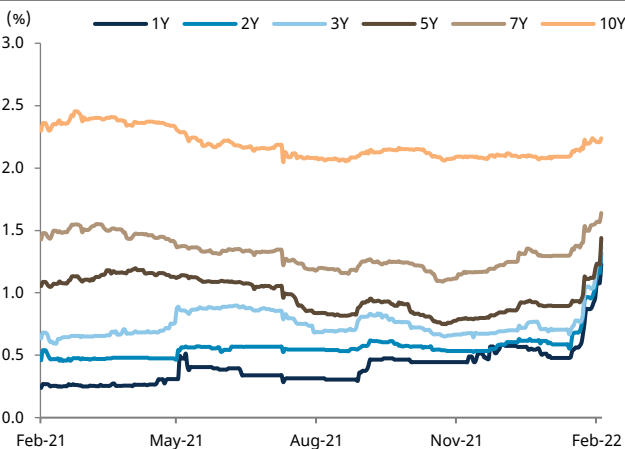
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



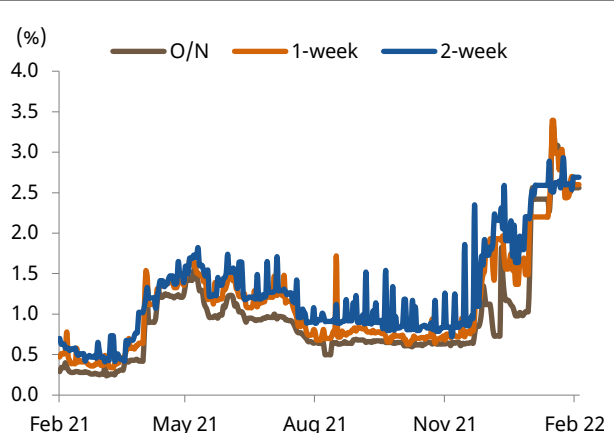
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,517.18</b>	<b>4,013,241</b>		<b>-0.6</b>	<b>-1.1</b>	<b>-1.0</b>	<b>29.3</b>	<b>14.6</b>	<b>12.2</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>35.0</b>	<b>20.0</b>	<b>23.0</b>	<b>20.4</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	33,900	91,596	30.0	-1.3	-1.5	-1.9	28.2	9.5	7.2	2.0	1.6	26.5	31.7	23.9	24.7
BIDV	BID VN	43,700	221,057	16.9	-1.9	-3.4	-8.9	26.1	20.9	14.5	2.7	2.4	81.7	44.3	13.2	15.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	59,100	43,871	26.5	0.2	3.3	8.6	0.0	23.3	22.2	2.1	#N/A	20.9	5.2	9.1	9.2
VietinBank	CTG VN	33,150	159,311	26.0	-2.1	-3.6	-10.2	14.9	11.3	8.7	1.7	1.4	2.9	29.9	15.9	18.3
FPT Corp	FPT VN	93,300	84,675	49.0	1.1	-0.2	4.2	40.8	21.5	16.7	4.7	3.6	21.4	28.2	23.4	27.4
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	118,000	225,846	2.9	0.7	1.9	8.3	32.1	27.1	19.0	4.4	4.1	8.1	42.2	17.4	21.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	34,150	136,600	0.5	0.4	-1.3	9.5	18.4	32.1	#N/A	2.9	#N/A	12.8	#N/A	8.9	#N/A
HDBank	HDB VN	28,800	57,952	17.0	-1.5	-2.7	-6.8	43.1	9.5	8.0	2.0	#N/A	42.5	18.3	23.3	21.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	47,200	211,122	23.2	2.8	1.2	11.8	39.7	6.1	6.7	2.3	1.7	170.6	-8.6	46.1	29.4
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	52,900	34,011	33.1	-0.8	-2.4	5.8	82.4	29.5	22.4	3.3	3.1	-4.4	32.1	12.2	15.5
MBBank	MBB VN	34,400	129,974	23.2	0.9	5.4	2.1	68.0	10.2	9.4	2.2	1.6	53.0	8.9	23.6	22.2
Masan Group Corp	MSN VN	156,000	184,163	28.8	-1.3	-2.7	9.1	72.8	21.5	32.8	5.6	5.9	589.7	-34.6	35.1	18.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	136,000	96,945	49.0	-1.2	1.6	2.6	51.1	21.9	15.1	4.8	4.4	7.7	45.3	27.3	29.8
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	75,300	145,361	7.1	-1.3	-4.1	-5.8	68.1	41.3	34.4	4.1	4.3	-18.5	20.3	10.6	14.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	85,000	41,886	2.8	-2.9	-6.8	-6.4	65.8	22.2	#N/A	5.9	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	62,300	79,158	17.1	-0.2	4.0	11.1	7.0	27.5	20.3	3.2	3.0	230.7	35.3	12.3	14.9
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	103,000	23,419	48.3	-4.5	-3.3	-1.0	21.3	22.7	17.3	3.9	3.4	5.5	30.9	18.3	21.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	17,350	40,631	2.5	-2.8	-5.7	3.3	37.7	22.8	23.7	1.4	1.4	-23.9	-3.6	6.1	5.6
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	169,800	108,890	62.7	0.1	0.1	14.2	-9.7	30.4	25.0	5.1	4.6	-21.7	21.4	17.9	19.6
SSI Securities Corp	SSI VN	45,700	45,369	38.9	0.0	-0.7	1.4	108.4	16.4	21.8	3.2	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Sacombank	STB VN	32,850	61,929	18.8	-0.5	-1.1	-7.6	79.0	17.7	11.7	1.8	1.6	48.8	51.1	10.8	14.2
Techcombank	TCB VN	50,400	176,950	22.5	-0.6	-2.1	-4.5	28.4	9.8	8.4	1.9	1.6	46.3	16.9	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	42,250	66,829	29.8	0.7	3.3	0.7	107.0	12.8	9.3	2.6	2.1	30.7	37.8	22.6	21.3
Vietcombank	VCB VN	84,500	399,898	23.7	-0.7	-3.3	-5.1	9.8	14.3	16.1	3.6	2.9	68.6	-11.3	21.4	20.6
Vinhomes JSC	VHM VN	77,500	337,463	23.9	-1.0	-3.1	-3.5	-0.8	8.6	9.4	2.6	2.1	41.6	-9.1	36.4	25.1
Vingroup JSC	VIC VN	77,000	293,673	14.4	-2.7	-7.9	-20.6	-20.5	NA	55.6	3.0	3.0	-154.2	-269.8	-3.1	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	140,100	75,880	16.6	-3.4	-4.0	14.9	3.7	471.7	41.0	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	78,400	163,853	54.4	-0.6	-3.2	-5.7	-25.2	17.4	15.9	5.0	4.7	-5.3	9.2	29.3	31.3
VPBank	VPB VN	38,000	168,928	15.2	-0.5	5.8	3.7	71.0	14.3	11.4	2.2	1.7	12.4	25.5	18.0	16.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	33,500	76,123	30.0	-1.5	-1.8	-4.1	0.9	57.9	26.2	2.5	2.3	-44.8	121.4	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-8.76</b>	<b>5,925,656</b>	<b>-0.6</b>	<b>-1.4</b>	<b>0.8</b>	<b>27.5</b>	<b>17.4</b>	<b>13.8</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>34.0</b>	<b>25.6</b>	<b>19.9</b>	<b>19.8</b>
Ô tô và phụ tùng	0.01	9,318	0.0	0.4	1.6	31.6	20.5	9.9	2.0	1.9	4.7	64.7	13.0	18.9
Ngân hàng	-4.75	1,869,717	-5.0	-5.0	1.3	44.7	13.4	13.2	2.4	2.0	46.0	11.5	19.5	19.5
Xây dựng cơ bản	-0.39	329,659	-0.4	0.0	-8.4	105.8	75.2	22.7	3.0	2.0	10.9	58.2	13.7	16.3
May mặc và trang sức	-0.20	53,359	-0.2	1.0	5.1	50.5	60.6	16.0	3.7	3.4	10.8	55.6	17.6	23.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	10,386	1.1	0.5	6.3	14.7	261.1	76.1	1.7	#N/A	473.7	80.4	-0.5	8.6
Dịch vụ tài chính	0.04	179,354	-3.9	-3.5	-7.4	150.4	15.1	21.3	3.3	#N/A	172.2	-49.1	25.8	16.3
Năng lượng	0.11	107,013	1.4	1.9	7.2	21.6	106.8	21.6	2.4	2.8	169.1	35.4	10.6	13.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.79	592,085	1.0	2.0	1.6	22.7	23.9	23.7	4.8	5.0	42.6	-0.4	25.0	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	4,232	-1.8	-2.5	-14.2	77.2	18.6	12.9	2.2	2.1	-1.9	146.4	7.6	18.3
Bảo hiểm	0.05	57,637	-1.6	-2.7	-0.5	8.1	20.1	20.8	1.9	1.9	30.0	5.8	10.2	9.9
Nguyên vật liệu	3.19	546,768	-1.8	-0.6	-1.1	65.1	26.8	13.8	2.6	1.7	130.9	-12.7	29.4	21.5
Dược phẩm	-0.01	33,868	-1.3	-1.4	-1.8	15.9	20.0	17.7	3.1	3.5	9.2	38.0	16.8	19.7
Bất động sản	-5.20	1,239,977	-1.0	-3.3	-7.4	27.4	38.2	28.2	3.4	2.8	6.3	36.9	14.4	16.4
Bán lẻ	-0.35	115,246	-2.2	-3.0	0.3	67.9	21.5	16.3	4.6	4.3	16.1	41.1	26.6	27.4
Phần mềm và dịch vụ	0.22	91,866	-0.7	0.3	0.3	44.1	21.6	16.4	4.5	3.6	21.2	35.0	22.2	26.6
Thiết bị và phần cứng	0.05	10,864	0.3	0.3	-10.3	159.8	16.7	12.5	6.2	4.1	139.2	21.5	44.7	36.5
Vận tải	-0.88	217,325	2.3	1.6	9.8	34.1	21.2	147.5	2.8	2.1	1,025.4	-71.4	-16.1	80.8
Tiện ích	0.01	380,130	2.2	3.2	6.1	35.5	21.1	19.1	3.0	3.5	14.0	45.5	14.9	18.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	47,200	2.8	35,200,100	1.5
GAS VN	118,000	0.7	940,300	0.4
DPM VN	57,600	6.9	9,675,300	0.4
DCM VN	37,000	6.9	9,760,600	0.3
HSG VN	38,350	7.0	21,865,900	0.3
MBB VN	34,400	0.9	12,769,600	0.3
FPT VN	93,300	1.1	1,504,600	0.2
LGC VN	53,500	7.0	2,200	0.2
NKG VN	44,150	6.9	19,784,100	0.2
GVR VN	34,150	0.4	1,904,200	0.2

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	77,000	-2.7	4,678,600	-2.0
BID VN	43,700	-1.9	2,699,000	-1.1
VHM VN	77,500	-1.0	2,837,300	-0.9
CTG VN	33,150	-2.1	12,721,000	-0.9
BCM VN	79,000	-3.8	481,500	-0.8
VCB VN	84,500	-0.7	1,322,100	-0.7
VJC VN	140,100	-3.4	794,300	-0.7
MSN VN	156,000	-1.3	426,900	-0.6
NVL VN	75,300	-1.3	2,855,200	-0.5
SSB VN	35,400	-2.5	1,641,500	-0.4

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.